TAND HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HSST
Ngày 29/9/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Thiện Hoàng.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hồng Thúy;
2. Ông Ma Đình Nghị.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Vũ Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2017,tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2017 /HSST ngày 31 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo có lý lịch như sau:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1974 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Xóm ĐU, xã PC, huyện Đ, Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm chè; trình độ văn hoá lớp 3/12; con ông Nguyễn Văn V và bà Đào Thị N (Đã chết); có vợ Hà Thị Y (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2002; gia đình có 06 anh, chị em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; tiền sự: Không.

Nhân thân: tại Bản án số 233/2012/HSST ngày 31/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, TP Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn Đ 27 tháng tù, về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong bản án ngày 28/01/2014.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/05/2017 đến nay, có mặt

2. Họ và tên: Ma Văn T, (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Xóm ĐD, xã PC, huyện Đ, Thái Nguyên;nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá lớp 3/12; con ông Ma Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kh; chưa có vợ, con; gia đình có 05 anh, chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định số 2096/QĐ-UBND, ngày 14/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đưa Ma Văn T vào Cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc 24 tháng. Chấp hành xong ngày 12/10/2015.

Nhân thân:

+ Bản án số 44/2010/HSST ngày 29/11/2010 của Tòa án nhân dân Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Ma Văn T 15 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong bản án ngày 10/11/2011.

+ Quyết định số 658/QĐ-UBND, ngày 28/6/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh giáo dục lao động xã hội;

+ Quyết định số 913/QĐ-UBND, ngày 26/6/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh giáo dục lao động xã hội.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/05/2017 đến nay, có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Dương Văn V , sinh năm 1983; trú tại: Xóm K, xã TD, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

2. Anh Ma Văn M, sinh năm 1985; trú tại: Xóm ĐD, xã PC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Ma Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 08/5/2017, tại nhà ở của Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974, trú tại xóm ĐU, xã PC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn Đ có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Dương Văn V, sinh năm 1983, trú tại xóm Làng K, xã TD, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình kiểm tra, thu giữ tại tay trái của Dương Văn V có 01 gói chất bột màu trắng (V khai là hêrôin vừa mua của Đ); thu giữ tại túi áo bên trái phía trước của Đ đang mặc có 02 gói chất bột màu trắng (nghi hêrôin) và 100.000^{đ} (một trăm nghìn đồng), Đ khai là tiền vừa bán hêrôin cho V. Tại hiện trường có mặt Ma Văn T, sinh năm 1982, trú tại xóm ĐD, xã PC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, quá trình kiểm tra trên người Ma Văn T, Công an huyện Đ thu giữ tại túi quần bên trái phía sau T đang mặc có 01(một) gói chất bột màu trắng (T khai là hêrôin của mình). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong số vật chứng nêu trên theo quy định. Nguyễn Văn Đ, Ma Văn T khai nhận: Gói chất bột màu trắng thu giữ của V và trong người T, Đ là hêrôin. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/5/2017, T sang nhà Đ chơi và hỏi xin Đ hêrôin để sử dụng, Đ đồng ý và cho T 01 gói hêrôin, T cầm gói hêrôin cất giấu vào người rồi ở lại nhà Đ chơi. Đến khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày, T đang ngồi chơi ở nhà Đ thì có V đến gặp Đ và hỏi mua hêrôin, Đ đồng ý. V đưa cho Đ 100.000^{đ} (một trăm nghìn đồng), Đ bán cho V 01(một) gói hêrôin, đúng lúc đó thì bị công an huyện Đ bắt quả tang,

thu giữ trên người Đ 02 gói hêrôin. Ngoài ra Đ khai vào khoảng 13 giờ ngày 08/5/2017, Đ bán cho Ma Văn M, sinh năm 1985, trú tại xóm ĐD, xã PC, huyện Đ 02 (hai) gói hêrôin với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Khám xét thu giữ trên người Ma Văn T có 01 (một) gói hêrôin do Đ cho T, mục đích để sử dụng, T chưa kịp sử dụng thì bị công an bắt quả tang. Dương Văn V và Ma Văn M cũng khai nhận nội dung phù hợp như Đ và T khai.

Về nguồn gốc số ma túy Đ khai nhận khoảng 8 giờ, ngày 08/5/2017, Đ đi xe buýt xuống khu vực bến xe khách Thái Nguyên, tại đây Đ đã gặp và mua của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ được 01 (một) gói Hêrôin với giá 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), sau đó Đ mang về nhà chia làm 12 gói mục đích để sử dụng và bán cho các con nghiện khác để kiếm lời; 06 gói Đ đã sử dụng hết; 01 gói Đ cho T để sử dụng; 02 gói bán cho M; 01 gói bán cho V; còn 02 gói Đ cất giấu trong người và đã bị công an thu giữ khi bắt quả tang.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ phối hợp với phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong cân xác định: 02 gói chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Đ có trọng lượng 0,105 gam (không phẩy một trăm linh năm), niêm phong để giám định ký hiệu A4; 01 gói chất bột màu trắng thu giữ của Ma Văn T có trọng lượng 0,23 gam (không phẩy hai ba), niêm phong để giám định ký hiệu A5; 01 gói chất bột màu trắng thu giữ của Dương Văn V có trọng lượng 0,074 gam (không phẩy không trăm bảy tư), niêm phong để giám định ký hiệu A6.

Tại kết luận giám định số 631/KL-PC54 ngày 12/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận:

"...5. Kết luận giám định

Chất bột màu trắng trong mẫu A4 thu giữ của Nguyễn Văn Đ là chất ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng (khối lượng) là 0,105 gam.

Chất bột màu trắng trong mẫu A5 thu giữ của Ma Văn T là chất ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng (khối lượng) là 0,23 gam.

Chất bột màu trắng trong mẫu A6 thu giữ của Dương Văn V là chất ma túy, loại hêrôin có trọng lượng (khối lượng) là 0,074 gam.

...7. Hoàn lại đối tượng giám định gồm:

0,054 gam mẫu A4 còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu A4.

0,172 gam mẫu A5 còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu A5.

0,036 gam mẫu A6 còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu A6".

Tại bản cáo trạng số 36 ngày 06/9/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự; Ma Văn T về tội : *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

XÉT THẤY

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Đ và Ma Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như nêu trên, Đ thừa nhận đã bán ma túy (hê rô in) cho M, cho V để lấy tiền mua hê rô in về dùng, T thừa nhận cất giữ hê rô in để hít, phục vụ nhu cầu cho bản thân. Cả hai bị cáo đều nhận tội như bản cáo trạng đã truy tố, tại lời nói sau cùng chỉ xin được hưởng mức án thấp nhất; người làm chứng có mặt tại phiên tòa giữ nguyên lời khai trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo.

Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng Dương Văn V và Ma Văn M; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được khách quan có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ 15 phút, ngày 08/5/2017, tại nhà ở của mình Nguyễn Văn Đ có hành vi bán trái phép cho Dương Văn V 01 gói hêrôin có trọng lượng 0,074 gam (không phẩy không trăm bảy tư gam) với giá 100.000^{đ} (một trăm nghìn đồng) thì bị bắt quả tang; thu giữ tại túi áo bên trái phía trước của Đ 02 gói hêrôin có trọng lượng 0,105 gam (không phẩy một trăm linh năm) và trước đó vào khoảng 13 giờ ngày 08/5/2017 cũng tại nhà mình Nguyễn Văn Đ bán cho Ma Văn M 02 gói ma túy Hê rô in với giá 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) để kiếm lời. Khi bắt quả tang thì có mặt Ma Văn T ở đó, khám xét người đã phát hiện, thu giữ tại túi quần bên trái phía sau Tuân đang mặc 01 gói Hê rô in có trọng lượng 0,23 gam (không phẩy hai ba gam) mục đích để sử dụng cho bản thân vì là người nghiện ma túy.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân và đã bán cho Dương Văn V và Ma Văn M với mục đính để kiếm lời đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo Ma Văn T tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 194 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ, ..., mua bán trái phép…chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a,…

b) Phạm tội nhiều lần...”

Xét tại thời điểm xét xử vụ áncho thấy Bộ luật hình sự năm 2015 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được công bố. Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 bộ luật hình sự năm 1999, nay được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định.

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy... thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c. Hêrôine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam...”

Tại khoản 66 Điều 1 Luật số 12/2017/QH14 của Quốc hội quy định :

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...c. Hêrôine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam...”

Tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 quy định *“Điều luật ... quy định một hình phạt nhẹ hơn ... một tình tiết giảm nhẹ mới ... và các quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”*.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; điểm b, khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017; điểm 66 Điều 1của Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 cần được áp dụng đối với bị cáo Ma Văn T để làm căn cứ lượng hình là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đ, T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất ma tuý. Hành vi của bị cáo Đ đã tiếp tay cho những người nghiện có ma túy để sử dụng, gây mất trật tự trị an ở địa phương và là một trong những nguyên nhân làm cho một số loại tội phạm khác gia tăng. Hành vi phạm tội của bị cáo T còn trực tiếp hủy hoại sức khỏe của bản thân. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lời và để phục vụ nhu cầu sai trái của bản thân nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý, cần được xử lý nghiêm minh.

Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân xấu, năm 2012 đã bị kết án 27 tháng tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã chấp hành xong bản án ngày 28/01/2014. Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Ma Văn T có 01 tiền sự, ngày 14/10/2013 bị đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà 24 tháng, chấp hành xong ngayg 12/10/2015. Bị cáo nhân thân xấu, năm 2010 đã bị kết 15 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" bị cáo đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích, năm 2006 và 2008 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh giáo dục lao động xã hội. Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, nội dung, hành vi phạm tội, hậu quả và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã kết luận và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 08 đến 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo 05 đến 07 triệu đồng; áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 66 Điều 1 Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13. Xử phạt bị cáo Ma Văn T từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/5/2017; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo ; vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Xét như phân tích ở trên thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt tù, hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, sau khi đánh giá toàn diện về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly xã hội đối với các bị cáo một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Đ nhằm mục đích thu lời bất chính nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo mới thỏa đáng. Xét hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo T nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, qua xác minh bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án:

- 0,054 (không phẩy không năm bốn) gam hêrôin thu giữ trên người bị cáo Nguyễn Văn Đoàn; 0,172 (không phẩy một bảy hai) gam hêrôin thu giữ trên người

bị cáo Ma Văn T; 0,036 (không phẩy không ba sáu) gam hêrôin thu giữ trên người Dương Văn V còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 100.000^{đ} (một trăm nghìn đồng) là số tiền bị cáo Đ thu lời bất chính từ việc bán ma túy cho Dương Văn V nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) là số tiền bị cáo Đ thu lời bất chính từ việc bán ma túy cho Ma Văn M cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với lời khai của bị cáo Đ, khai mua ma túy của một người không quen biết ở khu vực tổ 20, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (khu vực bến xe khách Thái Nguyên cũ). Cơ quan Điều tra không có đủ cơ sở để xác minh xử lý. Khi nào xác định được đối tượng sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi của Dương Văn V và Ma Văn M mua ma túy của bị cáo Đ để sử dụng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Dương Văn V và Ma Văn M, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Ma Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự, Điều 228 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị Nguyễn Văn Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 08/5/2017.

Phạt tiền bổ sung bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/9/2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017, điểm 66 Điều 1 của Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Ma Văn T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 08/5/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/9/2017.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 0,054 (Không phẩy không năm bốn) gam hêrôin thu giữ trên người bị cáo Nguyễn Văn Đ còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu A4.

+ Tịch thu tiêu hủy 0,172 (Không phẩy một bảy hai) gam hêrôin thu giữ trên người bị cáo Ma Văn T còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu A5.

+ Tịch thu tiêu hủy 0,036 (Không phẩy không ba sáu) gam hêrôin thu giữ trên người Dương Văn V còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu A6.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000^{đ} (một trăm nghìn đồng) là số tiền bị cáo Đ bán ma túy cho Dương Văn V mà có.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) là số tiền bị cáo Đ bán ma túy cho Ma Văn M mà có.

(Tình trạng vật chứng như tại biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 31/8/2017 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ và tại ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 70 lập ngày 29/8/2017 tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ).

***Về án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 98, Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Ma Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000^{đ} án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TN;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *C.An huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Bị cáo;*
- *lưu HS.*

Trần Thiện Hoàng